

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-09-2025

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Bê

Bà Lê Thị Minh Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐ-ST ngày 04/07/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/08/2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Quang C, sinh ngày 12/11/1992 (vắng mặt)

Chứng minh nhân dân: 122054101

Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Bắc Ninh

Hiện đang ở tại Hàn Quốc.

Anh C ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hoàng Văn V, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn C, xã M, tỉnh Bắc Ninh (không triệu tập).

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 04/10/1996 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024196005651

Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn Y, xã D, tỉnh Bắc Ninh (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 (vắng mặt)  
Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, tỉnh Bắc Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc) nguyên đơn anh Nguyễn Quang C trình bày:*

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị D được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 30/06/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Sau kết hôn chị D về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2021 anh đi lao động tại Hàn Quốc. Sau khi anh sang Hàn Quốc lao động vợ chồng rất ít khi liên lạc hỏi thăm nhau, những lần liên lạc chỉ có sự cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm ngày càng lớn. Tháng 10/2024 chị D sang Hàn Quốc lao động nhưng vợ chồng không chủ động gặp nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: anh, chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/06/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng anh, bà X (là mẹ đẻ anh). Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu L cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cháu L cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Nguyễn Thị D là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.*

*Tại biên bản làm việc với gia đình chị Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị H là bố mẹ chị D cung cấp:*

Về hôn nhân: anh C, chị D được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Sau kết hôn chị D về nhà anh C làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Sang Hàn Quốc lao động vợ chồng anh chị vẫn hòa thuận nhưng khoảng tháng

02/2022 chị D phát hiện anh C có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Kể từ đó anh, chị ít khi liên lạc với nhau. Năm 2024 chị D đi lao động tại Hàn Quốc nhưng sang đó chị D, anh C không chủ động gặp nhau. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh chị về đoàn tụ nhưng không được.

Về con chung: Anh C, chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/06/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà X (là bà nội).

Ngoài ra ông, bà cung cấp: Trước khi đi lao động tại Hàn Quốc chị D sinh sống cùng gia đình ông bà tại thôn Y, xã D, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi sang Hàn Quốc chị D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã thông báo cho chị D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh C và chị D.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X là trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân của anh C, chị D: Nhất trí như trình bày của anh C.

Về con chung: anh C, chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/06/2017. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng bà và anh C. Từ khi anh C, chị D đi lao động nước ngoài đến nay cháu L vẫn sinh sống cùng bà. Bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L cho anh C cho đến khi anh C về nước sinh sống. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L là vừa quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu chị D, anh C phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L từ trước cho đến nay. Quá trình anh C, chị D đi nước ngoài, anh C hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L.

*Cháu Nguyễn Thị L trình bày:* Cháu sinh sống cùng bố mẹ từ khi sinh ra cho đến khi bố mẹ đi lao động nước ngoài. Sau khi bố mẹ đi lao động nước ngoài cháu sinh sống cùng bà nội (bà X) tại tổ dân phố P, phường S, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình sinh sống cháu được bà chăm sóc chu đáo, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, được cho đi du lịch. Bố và mẹ cháu hiện vẫn lao động tại nước ngoài. Bố cháu vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm tình hình học tập, sức khỏe của cháu và ông bà. Do cháu sinh sống cùng bà nội đang ổn định nên nếu bố mẹ ly hôn chúng cháu muốn sinh sống cùng bố và bà nội.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C, bà X; Biên bản lấy lời khai của ông H, bà H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân

thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang C; xử:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Quang C được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị L cho anh Nguyễn Quang C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu L cho bà Nguyễn Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Do anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Quang C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh C khởi kiện xin ly hôn chị D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh C hiện đang lao động tại Hàn Quốc (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc). Theo Công văn số 801/QLXNC ngày 04/09/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh, cung cấp chị D đã xuất cảnh ngày 22/10/2024 hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, anh C, chị D được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra anh C, chị D đều có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Do đó vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, bà X.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị D: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị H (bố mẹ chị D) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị D ở Việt Nam là: thôn Y, xã D, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị D thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị D biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh Nguyễn Quang C và chị Nguyễn Thị D. Gia đình chị D cho biết chị D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị D không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị D tại Hàn Quốc. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang C và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/06/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh C, chị D phát sinh mâu thuẫn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C với chị D, Hội đồng xét xử thấy: Sau kết hôn chị D về nhà anh C làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2021 anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Sau khi sang Hàn Quốc vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên không liên lạc với nhau nữa. Năm 2024 chị D sang Hàn Quốc lao động nhưng vợ chồng không ai chủ động tìm gặp nhau. Ngoài ra theo cung cấp của ông H, bà H, bà X, Hội đồng xét xử thấy anh C, chị D có mâu thuẫn và được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy anh C, chị D không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh

C với chị D xử cho anh Nguyễn Quang C được ly hôn chị Nguyễn Thị D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh C và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/06/2017. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng bà X. Sau ly hôn anh C đề nghị giao con chung cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cháu L cho bà X nuôi dưỡng cho đến khi anh về nước sinh sống. Bà X đồng ý nuôi dưỡng cháu L cho anh C, cháu L có nguyện vọng được ở cùng bố và bà nội.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh C sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: anh C, chị D đều đang lao động ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được. Tuy nhiên, cháu L từ khi chị D, anh C đi nước ngoài lao động đến nay vẫn sinh sống cùng bà X, cháu phát triển ổn định về cả vật chất lẫn tinh thần. Bà X đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L cho anh C cho đến khi anh C về nước sinh sống. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của cháu L và đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào Điều 81, Điều 104 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C. Giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh C về Việt Nam sinh sống là có căn cứ, phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Quang C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000

đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh C, chị D đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang C.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang C được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/06/2017 cho anh Nguyễn Quang C nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Nguyễn Quang C về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005542 ngày 25/06/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Nguyễn Quang C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Quang C, chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường S, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Gia Lương**